

Tên bệnh nhân: <i>(Patient Name)</i>		Ngày sinh: <i>(Date of birth)</i>
Ngày: <i>(Date)</i>		
Chủng tộc: <i>(Race)</i>		Ngôn ngữ chính: <i>(Primary language)</i>
Năm giáo dục: <i>(Years of education)</i>		
Bảng câu hỏi này sẽ hỗ trợ nhóm y tế hoàn thành việc đánh giá của bạn. Vui lòng: ➤ Trả lời những câu hỏi này một cách trung thực và với khả năng tốt nhất của bạn. ➤ Hãy cụ thể. Ví dụ: "Thứ Ba tuần trước, tôi (người thân của tôi) bị lạc trên đường từ cửa hàng về nhà. Thật đáng sợ." Ngoài những câu hỏi này, nhà cung cấp dịch vụ y tế của bạn cũng có thể hỏi bạn chi tiết về: ➤ Các vấn đề y tế trong quá khứ và hiện tại và phẫu thuật lịch sử. ➤ Lịch sử y tế gia đình. ➤ Lịch sử xã hội của bạn. ➤ Tất cả các loại thuốc bạn hiện đang sử dụng bao gồm thuốc theo toa, vitamin không kê đơn, aspirin, v.v. thảo dược bổ sung, Sử dụng rượu, cần sa (CBD / THC) trong quá khứ hoặc hiện tại, hoặc các loại thuốc xã hội khác như chất kích thích, ma túy, hoặc thuốc an thần. This questionnaire will assist the medical team in completing the patient's evaluation. Please: ➤ Answer these questions honestly and to the best of your ability. ➤ Be specific. For example, "Last Tuesday, my loved one got lost on the way home from the store. It was scary." In addition to the questions below the medical provider may also ask details about: ➤ Past and current medical problems and surgical history ➤ Family medical history ➤ The patient's social history ➤ All medications that the patient is currently taking including: prescription medications, over-the-counter vitamins, aspirin, etc. herbal supplements, ➤ Past or present use of: alcohol, marijuana (CBD/THC) or other social drugs such as stimulants, narcotics, or sedatives.		
Câu hỏi: chọn tất cả các câu phù hợp (Question: check all that apply)	VÂNG (YES)	Vui lòng cung cấp thêm ý kiến nếu cần thiết: (Please provide additional comments if necessary:)
Bạn có vấn đề gì về trí nhớ hoặc suy nghĩ của mình không? (Do you have any problems with memory?)		
Bạn có thường xuyên thất lạc các vật dụng (ví dụ: điện thoại, chìa khóa) không? (Do you misplace items often (e.g., phone, keys)?)		
Bạn có dựa vào ghi chú nhiều hơn không? (Do you rely more on notes?)		

Câu hỏi: chọn tất cả các câu phù hợp (Question: check all that apply)	VÂNG (YES)	Vui lòng cung cấp thêm ý kiến nếu cần thiết: (Please provide additional comments if necessary:)
Bạn có gặp khó khăn với bộ trí nhớ gần đây (cuộc hội thoại, sự kiện gần đây) so với trí nhớ từ xa không? (Do you have trouble with recent memory (conversations, recent events) compared to remote memory?)		
Bạn có hỏi những câu hỏi lặp đi lặp lại không? (Do you ask repetitive questions?)		

Bạn có gặp khó khăn khi diễn đạt từ ngữ, khó hiểu từ ngữ hoặc các cuộc trò chuyện? (Do you have difficulty expressing words, difficulty understanding words or conversations?)		
Bạn có gặp khó khăn khi tìm từ hoặc tên bạn muốn sử dụng không? (Do you have difficulty finding the word or name you want to use?)		
Bạn có khó hiểu những gì mọi người đang nói với bạn không? (Do you have difficulty understanding what people are saying to you?)		
Bạn có gặp khó khăn khi phát âm những từ mà bạn dễ phát âm trước đây không? (Do you have difficulty pronouncing words that were easy for you to pronounce in the past?)		
Bạn có gặp khó khăn trong việc lập kế hoạch, bắt đầu hoặc hoàn thành các công việc phức tạp ở nhà hoặc tại nơi làm việc không? (Do you have difficulty planning, starting or finishing complicated tasks at home or at work?)		
Bạn có vấn đề với việc giữ cho ngôi nhà hoặc văn phòng của bạn phải gọn gàng và sạch sẽ như trước đây? (Do you have difficulty keeping your home or office as neat and organized/clean as it used to be?)		
Gặp vấn đề với việc hoàn thành một nhiệm vụ vì bạn dễ bị phân tâm. (Do you have problems finishing a task because you get distracted easily?)		
Bạn có bao giờ bị lạc khi đi bộ hoặc lái xe không? (Do you get lost while walking or driving?)		
Bạn có gặp khó khăn khi đi bộ hoặc lái xe đến những địa điểm quen thuộc không? tức là cửa hàng tạp hóa, bưu điện, nhà bạn bè, v.v. (Do you have difficulty walking or driving to familiar places? i.e., grocery store, post office, friend's house, etc.)		

Câu hỏi: chọn tất cả các câu phù hợp (Question: check all that apply)	VÂNG (YES)	Vui lòng cung cấp thêm ý kiến nếu cần thiết: (Please provide additional comments if necessary:)
Bạn có bị lạc trong một cửa hàng hay nhà hàng quen thuộc không? (Do you get lost in a familiar store or restaurant?)		
Bạn có gặp khó khăn khi nhìn mọi thứ một cách chính xác hoặc đánh giá khoảng cách đúng cách không? (Do you have difficulty seeing things properly or judging distances properly?)		
Xe cơ giới của bạn có bằng chứng về hư hỏng không? (Does your motor vehicle show evidence of damage?)		
Bạn có gặp khó khăn trong việc tìm ra vị trí ngồi trên ghế không? (Do you have difficulty figuring out how to position yourself to sit in a chair?)		
Bạn có phàn nàn về việc khó nhìn khi đọc không? (Do you complain of difficulty seeing while reading?)		

Bạn có phàn nàn rằng mắt của bạn không hoạt động? (Do you complain that your eyes don't work?)		
Bạn có gặp khó khăn khi nhìn thấy những thứ ở ngay trước mặt mình không? (Do you have trouble seeing things that are right in front of you?)		
Bạn có gặp khó khăn khi nhận ra mọi người? (Do you have difficulty recognizing people?)		
Bạn có nhận thấy sự thay đổi trong tâm trạng của bệnh nhân không? (Has your mood changed?)		
Bạn có khóc nhiều không? (Do you cry a lot?)		
Bạn có cảm thấy tuyệt vọng về cuộc sống hay về tương lai không? (Do you feel hopeless about life or about the future?)		
Bạn có cảm thấy bản thân mình vô dụng hay tồi tệ không? (Do you feel worthless or bad about yourself?)		
Bạn có bị mất động lực hoặc năng lượng để làm những việc bạn từng yêu thích không? (Have you lost motivation or energy to do things you used to enjoy?)		
Bạn có giảm hứng thú với các hoạt động xã hội không? (Do you have decreased interest in social activities?)		
Bạn có giảm quan tâm đến nhà thờ hoặc các nhóm cộng đồng không? (Do you have decreased interest in church or community groups?)		
Bạn có giảm hứng thú với các sở thích không? (Do you have decreased interest in hobbies?)		

Câu hỏi: chọn tất cả các câu phù hợp (Question: check all that apply)	VÂNG (YES)	Vui lòng cung cấp thêm ý kiến nếu cần thiết: (Please provide additional comments if necessary:)
Bạn có dễ trở nên tức giận hơn không? (Do you become angry more easily?)		
Bạn có tức giận về những điều mà trước đây không khiến bạn bận tâm không? (Do you get angry about things that would not have bothered you in the past?)		
Đôi khi chúng tôi có những bệnh nhân dường như quên cách cư xử ở nơi công cộng. Đây có phải là một vấn đề đối với bạn? (Sometimes we have patients who seem to forget how to behave in public. Has this been an issue for you?)		
Bạn đã từng làm điều gì khiến gia đình phải xấu hổ chưa? ví dụ: gọi mọi người là béo ở nơi công cộng khi họ có thể nghe thấy? (Have you done anything that may have been embarrassing to the family? e.g., calling people fat in public when they might hear?)		
Bạn đã bao giờ kể những câu chuyện cười bẩn thỉu trong những tình huống không phù hợp chưa? (Have you ever told dirty jokes in inappropriate situations?)		

Bạn đã bao giờ kể những điều cá nhân về bản thân hoặc gia đình cho người lạ chưa? (Have you ever told personal things about yourself or family to strangers?)		
Bạn đã bao giờ ăn hết đĩa của người khác tại nhà hàng chưa? (Have you ever eaten off of other people's plates at restaurants?)		
Bạn có vấn đề gì với những niềm tin bất thường hoặc không thực tế không? (Have you had any problems with beliefs that are unusual or not realistic?)		
Bạn có cảm thấy như ai đó ở ngoài sẽ hại bạn không? (Do you feel like someone is out to get you?)		
Bạn có cảm thấy như bạn có thể có quyền lực đặc biệt hoặc mối quan hệ đặc biệt với những người nổi tiếng hoặc quyền lực không? (Do you feel like you might have special powers or special relationships with famous or powerful people?)		
Bạn có nhìn thấy hoặc nghe thấy bất cứ điều gì có thể không có ở đó (hoặc những người khác không thể nhìn thấy hoặc nghe thấy) không? (Have you been seeing or hearing anything that might not be there (or others can't see or hear)?)		

Câu hỏi: chọn tất cả các câu phù hợp (Question: check all that apply)	VÂNG (YES)	Vui lòng cung cấp thêm ý kiến nếu cần thiết: (Please provide additional comments if necessary:)
Bạn có bị cố định vào những ý tưởng nhất định mà bạn không thể thoát ra khỏi đầu hoặc đã phát triển bất kỳ nghi thức cụ thể nào không? (Have you become fixated on certain ideas that you can't get out of your head or have developed any specific rituals?)		
Bạn có bị ám ảnh bởi những ý tưởng chính trị hoặc tôn giáo nào đó không? (Do you have any obsessions with certain political or religious ideas?)		
Bạn có bất kỳ ám ảnh nào về thời gian hoặc thói quen được tuân thủ chính xác không? (Do you have any obsessions about timing or routine being adhered to precisely?)		
Bạn có bị ám ảnh bởi những trò chơi, bộ phim hay hình thức giải trí cụ thể nào không? (Do you have any obsessions with specific games, movies or specific forms of entertainment?)		
Bạn có thay đổi gì trong giấc ngủ không? (Do you have any changes in sleep?)		
Bạn có thức dậy nhiều vào nửa đêm? (Do you wake up a lot in the middle of the night?)		
Bạn có vấn đề với giấc ngủ? (Do you have problems falling asleep?)		
Đối tác đã báo cáo rằng tôi có thể gặp vấn đề khi thực hiện giấc mơ (la hét, hét lên, đánh đập)? (Has your partner reported that you may have problems acting out dreams (yelling, screaming, hitting)?)		
Bạn có ngáy không? (Do you snore?)		
Đối tác của bạn đã bao giờ báo cáo rằng bạn có thể bị ngừng thở khi ngủ chưa? (Has your partner ever reported that you may have breathing stoppages while you sleep?)		
Bạn có buồn ngủ vào ban ngày không? (Are you sleepy during the day?)		
Có thay đổi gì trong thói quen ăn uống của bạn không? (Have there been changes in your eating habits?)		
Bạn đã ăn nhiều hơn hay ít hơn bình thường? (Have you been eating more or less than usual?)		
Bạn đã từng bị tăng cân ngoài ý muốn chưa? (Have you had any unintentional weight gain?)		

Câu hỏi: chọn tất cả các câu phù hợp (Question: check all that apply)	VÂNG (YES)	Vui lòng cung cấp thêm ý kiến nếu cần thiết: (Please provide additional comments if necessary:)
Bạn đã từng bị sụt cân ngoài ý muốn chưa? (Have you had any unintentional weight loss?)		
Bạn có muốn ăn các loại thực phẩm cụ thể mọi lúc không? (Do you want to eat specific foods all the time?)		
Bạn có muốn ăn đồ ngọt hoặc carbohydrate nhiều hơn trước đây không? (Do you want to eat sweets or carbohydrates more than you used to?)		
Bạn có vẻ ít quan tâm đến nhu cầu, vấn đề của người khác không? (Do you seem less concerned about others' needs, problems?)		
Bạn có cảm thấy mình không phản ứng thích hợp trong trường hợp khẩn cấp hoặc khi ai đó cần giúp đỡ không? (Do you feel you are not reacting appropriately in an emergency or when someone needs help?)		
Bạn có cảm thấy mình không phản ứng theo cảm xúc khi ai đó có một sự kiện đặc biệt buồn hoặc vui (ví dụ: mất mát hoặc thành tích lớn) không? (Do you feel you are not reacting emotionally when someone has a particularly sad or happy event (e.g., a loss or major achievement)?)		
Bạn dường như cởi mở hơn với những trò lừa đảo hoặc gạ gẫm? (Do you seem to be more open to scams or solicitations?)		
Bạn đã mua rất nhiều tạp chí hoặc phiếu mua hàng trực tuyến chưa? (Have you been buying lots of magazines or online offers?)		
Bạn đã bao giờ bị lừa bởi một thỏa thuận kinh doanh đáng ngờ? (Have you ever been fooled by a suspicious business arrangement?)		
Bạn có bị run tay, cánh tay, chân hoặc cằm không tự chủ không? (Do you have involuntary shaking in your hands, arms, legs or chin?)		
Chân tay của bạn có cảm thấy cứng nhắc hoặc cứng đờ không? (Do your limbs feel rigid or stiff?)		
Bạn có gặp khó khăn khi quay đầu và cổ một cách dễ dàng? (Do you have difficulty turning your head and neck easily?)		
Các chuyển động của bạn có bị chậm lại không? (Have your movements been slowing down?)		
Bạn đang đi bộ chậm hơn? (Are you walking slower?)		

Câu hỏi: chọn tất cả các câu phù hợp (Question: check all that apply)	VÂNG (YES)	Vui lòng cung cấp thêm ý kiến nếu cần thiết: (Please provide additional comments if necessary:)
Bạn có mất nhiều thời gian hơn để cài nút áo sơ mi không? (Does it take you longer to button your shirt?)		
Chữ viết tay của bạn có nhỏ hơn không? (Is your handwriting smaller?)		
Bạn có thay đổi gì về khả năng đi lại của mình không? (Have you had changes in your ability to walk?)		
Bạn có khom lưng khi đi bộ không? (Are you stooped over when walking?)		
Bạn có lê chân khi đi bộ không? (Do you drag your feet when you walk?)		
Các bước của bạn có ngắn hơn hay bạn có bị kẹt khi đi bộ không? (Are your steps shorter or do you get stuck when walking?)		
Bạn có bị té ngã trong vài năm qua không? (Have you fallen down in the past couple of years?)		
Nếu có, bạn đã rơi té bao nhiêu lần trong vòng vài năm qua? (If yes, how many times have you fallen?)		
Hoàn cảnh té xuống là gì? (vấp ngã, yếu đuối, mất ý thức, loạng choạng) (What were the circumstances of the falls? (Tripping, weakness of legs, loss of consciousness, unsteadiness))		
Bạn có cảm thấy đứng không vững trên đôi chân của mình? (Do you feel unsteady on your feet?)		
Bạn có yếu hơn ở một bên của cơ thể so với bên kia không? (Are you weaker on one side of your body than the other?)		
Bạn đã bị đột quỵ chưa? (Have you had a stroke?)		
Bạn có gặp khó khăn khi sử dụng một tay? (Do you have trouble using one hand?)		
Bạn có đang đi khập khiễng hay lê một chân không? (Are you limping or dragging one foot?)		
Bạn có cử động chân tay không tự chủ, chẳng hạn như giật hoặc co rút không? (Do you have involuntary movement of your limbs, such as jerking or twitching?)		
Bạn đã có những thay đổi trong cơ bắp của bạn chưa? (Have you had changes to your muscles?)		
Bạn đã bị mất khối lượng cơ? (Have you lost muscle mass?)		
Cơ bắp của bạn có yếu hơn không? (Are your muscles weaker?)		

Vui lòng chọn hộp nếu bất kỳ điều nào sau đây là đúng: (Please check the box if any of the following are true:)	VÂNG (YES)	Vui lòng cung cấp thêm ý kiến nếu cần thiết: (Please provide additional comments if necessary:)
Có bất kỳ cơ bắp nào của bạn trở nên nhỏ hơn không? (Have any of your muscles become smaller?)		
Bạn có cảm thấy như cánh tay của bạn không thuộc về bạn không? (Does one of your arms behave as if it doesn't belong to you?)		
Cánh tay của bạn có cởi nút áo sơ mi / nắm lấy thứ gì đó mà bạn không nhận thức được hoặc không kiểm soát được không? (Has your arm unbuttoned your shirt/grabbed something without your awareness or control?)		
Bạn có nói ngọng trong lời nói của mình không? (Have you had slurring of your speech?)		
Giọng nói chậm như người say rượu (Does your speech sound as if you are drunk?)		
Bạn có gặp khó khăn khi nuốt không? (Have you had trouble swallowing?)		
Bạn có bị ho hoặc bị sặc khi ăn uống không? (Have you coughed or choked when eating or drinking?)		
Bạn có gặp khó khăn nào khác khi nuốt chất lỏng hoặc thức ăn rắn không? (Have you had any other difficulty swallowing liquids or solid foods?)		
Có thành viên nào trong gia đình bạn bị "các vấn đề về sức khỏe tâm thần, sa sút trí tuệ, Parkinson hoặc các vấn đề thần kinh khác" không? Ví dụ: bệnh Alzheimer, Parkinson, tâm thần phân liệt, lưỡng cực, trầm cảm (Are there any members of your family with "mental health problems, dementia, Parkinson's or other neurological problems"? For example: Alzheimer's disease, Parkinson's, schizophrenia, bipolar, depression)		
Bạn có bất kỳ thay đổi nào trong khả năng quản lý các hoạt động cơ bản của cuộc sống hàng ngày do những thay đổi trong trí nhớ hoặc suy nghĩ không? (Have you had any changes in your ability to manage basic activities of daily living due to changes in memory or thinking?)		
Tôi cần hỗ trợ trong việc tắm rửa (I need assistance with bathing)		
Tôi cần hỗ trợ để ăn mặc (I need assistance to dress)		

Vui lòng chọn hộp nếu bất kỳ điều nào sau đây là đúng: (Please check the box if any of the following are true:)	VÂNG (YES)	Vui lòng cung cấp thêm ý kiến nếu cần thiết: (Please provide additional comments if necessary:)
Tôi cần hỗ trợ để kiểm soát bàng quang và ruột của mình để mà không gặp tai nạn (I need assistance to manage my bladder and bowels without accidents)		
Khả năng quản lý gia đình của bạn có thay đổi do các vấn đề về trí nhớ hoặc tư duy không? (Has there been a change in your ability to manage your household due to problems with memory or thinking?)		
Tôi cần hỗ trợ để quản lý việc mua sắm của riêng mình (I need assistance to manage my own shopping)		
Tôi cần hỗ trợ để thanh toán các hóa đơn của mình đúng hạn (I need assistance to pay my bills on time)		
Tôi cần hỗ trợ để hoàn thành công việc gia đình hoặc dự án (I need assistance to complete household chores or projects)		
Tôi đã quên tắt bếp (I have left the stove on)		
Tôi cần hỗ trợ để làm theo các công thức nấu ăn (I need assistance to follow recipes)		
Tôi không lái xe (I do not drive)		
Tôi gặp khó khăn khi hoàn thành nhiệm vụ tại nơi làm việc (I have trouble completing tasks at work)		
Tôi bị mất việc vì tôi không thể hoàn thành nhiệm vụ tại nơi làm việc (I lost my job because of I was unable to complete tasks at work)		
Tôi cần hỗ trợ để quản lý thuốc của riêng mình (I need assistance to manage my own medications)		
Tôi gặp khó khăn khi trả lời điện thoại (I have difficulty answering the phone.)		

Tôi không thể tự giặt quần áo. (I am unable to do my own laundry.)		
Tôi không thể quản lý các hình thức vận chuyển (Ví dụ: đi xe buýt, gọi taxi, v.v.) (I am unable to manage forms of transportation (Example: taking the bus, call for a cab, etc.))		
Tôi không thể quản lý tài chính của mình (Ví dụ: tài khoản séc, tài khoản hưu trí, ngân hàng)I am unable to manage my finances (Example: checking account, retirement account, banking)		

Cảm ơn bạn đã hoàn thành bảng câu hỏi bệnh nhân phản nản về nhận thức. Đầu vào của bạn rất có giá trị để đánh giá kỹ lưỡng. Vui lòng cung cấp thêm thông tin cho bác sĩ của bệnh nhân bên dưới nếu cần.
(Thank you for completing the cognitive complaints patient questionnaire. Your input is very valuable for a thorough evaluation. Please feel free to provide the patient's physician further information below if necessary.)